

13/3?

Đ/c Ủy ban TP, B/c Ủy ban HĐND, KH, PTCS, An ninh, LĐ

xxix 00

THị ỦY BAN TP
SỞ XÂY DỰNG
Số: 11/S-XD-PTHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2018

Đường - K.T.T. B.K.C
Chị Hằng N.D. Luy. T. T.
Ban CP, C. P.C. S.M.T

1. Ủy ban TP, Hội đồng
bản đồ xây dựng công trình Màng
nét và quy hoạch kỹ thuật địa
phương Hưng Yên

Kính gửi UBND tỉnh Hưng Yên:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Công văn số 3524/UBND-KTT, ngày 20/07/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật nước thải Hưng Yên.

Ban này cùng đã tổ chức họp với sự tham gia của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố và các đơn vị liên quan để đánh giá, xem xét về các nội dung liên quan của UBND thành phố. Căn cứ ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị đồng ý họp báo cáo và đề nghị UBND tỉnh:

1. Ủy ban TP, Hội đồng và cho phép UBND thành phố Hưng Yên triển khai các nội dung:

- Khảo sát, lập thiết kế điều chỉnh, bổ sung dự toán phần đắm bê tông lại và bố trí đường các tuyến đường: Bải Sáy, Trưng Trắc, Nguyễn Chiểu Thụai, Phan Đình Phùng, Điện Biên, Trung Nghi, Tây Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du.

- Khảo sát lập thiết kế điều chỉnh dự án chuyên các huyện đồng trên vỉa hè và đường lòng đường gồm các tuyến: Chùa Chuông, Điện Biên 1, Điện Biên 2, Trung Nghi, Bắc Thành, Nguyễn Du, Trưng Trắc.

1. Ủy ban TP, Hội đồng bổ sung các hạng mục cần kiện họ trong hồ sơ thiết kế dự án quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật, những khối lượng công việc này phải ngoài phạm vi dự án hiện tại và hợp đồng đã ký kết. Mọi chi phí lập hồ sơ tư vấn và lập hồ sơ dự án thuộc trách nhiệm của Ban báo cáo số 479/BC-UBND ngày 09/11/2018 của UBND thành phố Hưng Yên.

- Chỉ triển khai triển khai thi công công trình HDTT này dựa y là giao mở sang khu vực đất trống để có thể đảm bảo chất lượng công trình, các đơn vị cần kỹ thuật và nguồn nhân lực thi công, được vận dụng đơn giá của các công trình tương tự trên địa phương theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư hợp đồng xây dựng và kỹ thuật và không tính phần đất đai chi phí tập đồng.

Trân trọng kính chào UBND tỉnh Hưng Yên.

Là việc với nhà đề nghị để phần tiền các nội dung điều chỉnh, bổ sung hồ sơ dự án.

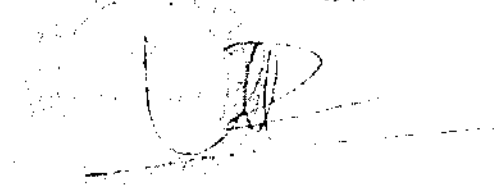
Thực hiện việc điều chỉnh thiết kế hợp đồng xây dựng tuân thủ hợp đồng hiện hành được ký kết giữa thành phố và huyện đồng anh (chi phí lập hồ

Quản lý dự án phát triển về xây dựng, đầu tư, mua sắm, hợp đồng và nổi
đầu, đưa ra các giải pháp bên trong hợp đồng đã ký kết.

Trên đây là những nội dung về các FMS, O mua sắm và các dự án.

- Quản lý dự án
- Quản lý
- Quản lý tài chính
- Quản lý mua sắm và Đầu tư (tư vấn)
- Quản lý dự án
- Quản lý dự án
- Quản lý dự án

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

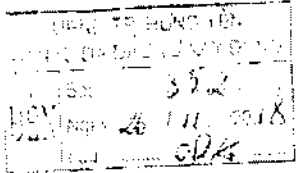
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 377/TT-UBND

TP. Hưng Yên, ngày 22 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cho phép điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên.



Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng Hưng Yên.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1635/QĐ-UBND, ngày 28/9/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên V/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên;

Căn cứ Hiệp định vay vốn số VNM-41 ngày 26/7/2013 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc (Keximbank);

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt thiết kế BVTC + Dự toán hợp phần (HY1): Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên thuộc dự án phát triển toàn diện kinh

tế xã hội tại các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên;

Căn cứ văn bản số SAMAN-HYSC-18-051 ngày 08/9/2018 của Công ty Saman – Hàn Quốc (Đơn vị tư vấn giám sát, thiết kế) về việc các hạng mục điều chỉnh thiết kế;

Căn cứ văn bản số SAMAN-HYSC-18-121 ngày 07/10/2018 của Công ty Saman – Hàn Quốc (Đơn vị tư vấn giám sát, thiết kế) về hồ sơ thay đổi biện pháp thi công ống HDPE (BP khoan kéo định hướng);

Căn cứ văn bản số HB/HY-WNS-ENG/2018-045 ngày 06/6/2018 của nhà thầu Hanbaek về việc báo cáo các vấn đề dự án và đề xuất của nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số HB/HY-WNS-ENG/2018-078 ngày 10/10/2018 của Công ty TNHH xây dựng hanbaek (nhà thầu xây lắp) về việc Đề trình hồ sơ thay đổi biện pháp thi công kéo ống HDPE.

UBND thành phố Hưng Yên đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Xây dựng Hưng Yên xem xét cho phép điều chỉnh, bổ sung một số nội dung công trình Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên. Cụ thể như sau:

I. Quy mô và tiến độ thực hiện dự án:

1. Quy mô dự án:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 6.300m³/ngày đêm gồm xây dựng các tuyến cống thu gom (khoảng 18,22km), trạm bơm tăng áp (4 trạm), khu xử lý (6,7 ha) và 815m đường vào trạm xử lý.

- Công nghệ xử lý: Hệ thống hồ sinh học.

- Khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải thuộc địa phận xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Các tuyến cống thu gom và trạm bơm nước thải được xây dựng trên địa phận các phường: Quang Trung, Lê Lợi, Minh Khai, Hồng Châu, Hiến Nam và An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

a. Giá trị giá gói thầu được duyệt (theo Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên): 281.592.883.000 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị xây lắp:	258.218.651.000 đồng
+ Giá trị dự phòng:	23.374.232.000 đồng

b. Giá trị trúng thầu: 10.149.438,31 USD ÷ 229.377.306.000 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị xây lắp: 9.322.529,92USD ÷ 210.689.177.000 đồng

+ Giá trị dự phòng: 826.908,39USD ÷ 18.688.129.000 đồng

- Nhà thầu trúng thầu xây lắp: Nhà thầu chính (Công ty TNHH xây dựng Hanbaek); Các nhà thầu phụ: Công ty TNHH xây dựng Chiến Thắng, Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phương Đông và Công ty cổ phần Bơm Châu Âu.

c. Giá trị Hợp đồng xây lắp: 10.149.438,31 USD ÷ 229.377.306.000 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị xây lắp: 9.322.529,92USD÷210.689.177.000 đồng

+ Giá trị dự phòng: 826.908,39USD÷18.688.129.000 đồng

2. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Công tác GPMB:

Dự án phải thực hiện thu hồi đất với diện tích khoảng 8,2 ha (Trong đó: đất nông nghiệp 6,9 ha, đất GT-TL 1,3 ha). Số hộ bị ảnh hưởng là 91 hộ gia đình.

Đến nay, Ban QLDA đã tiến hành chi trả tiền đền bù, hỗ trợ cho các hộ gia đình, đạt 100%. Tổng kinh phí GPMB là 22.136.766.845 đồng.

b) Công tác thi công xây lắp:

- Công trình được bàn giao mặt bằng và khởi công ngày 12/5/2017. Thời gian thi công công trình theo hợp đồng là 27 tháng.

- Tiến độ thi công công trình đến thời điểm báo cáo cụ thể như sau:

+ Tuyến GA (gồm các đường: Đăng Giang, 266, Bạch Đằng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Du, Hàn Lâm, Điện Biên 3, Tây Thành), tổng chiều dài cống là 3,5 km. Khối lượng thực hiện đạt 0,9km (tương đương 26%), chưa bao gồm công tác hoàn thiện. Hiện nay, nhà thầu đang thi công hoàn thiện.

+ Tuyến GB (gồm các đường: Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Bãi Sậy), tổng chiều dài cống là 2,9 km. Khối lượng thực hiện đạt 2,3 km (tương đương 79%), chưa bao gồm công tác hoàn thiện. Hiện nay, nhà thầu đang thi công hoàn thiện lớp cấp phối đá dăm lớp trên và sau đó sẽ thi công lớp thảm bê tông át phan.

+ Tuyến cống thu gom (HDPE), tổng chiều dài 3,4 km: Khối lượng thực hiện đạt 0,9 km (tương đương 26%).

+ Tuyến cống áp lực (HDPE), tổng chiều dài 5,3 km: Khối lượng thực hiện đạt 2,5 km (tương đương 47%).

+ Các trạm bơm nước thải (PS1, 2, 3, 4): Trạm bơm PS1, 2 và PS3 cơ bản hoàn thành, đạt 95 % khối lượng, còn lại trạm bơm PS4 đạt 60% khối lượng.

+ Các hạng mục trong Trạm xử lý nước thải: Các hạng mục; Cụm bể xử lý, Nhà đặt máy ép bùn, Nhà hành chính + Bể chứa nước, Xưởng sửa chữa, San nền, cống, tường rào, Trạm tiếp nhận bùn bể phốt, Nhà để xe ô tô đã cơ bản hoàn thành. Còn một số hạng mục như hồ, đường vào và đường nội bộ, khối

lượng thực hiện đạt khoảng 30%.

- Giá trị xây lắp đã thi công đến thời điểm báo cáo khoảng 63 tỷ đồng (đạt khoảng 30% giá trị hợp đồng).

c) Kế hoạch vốn và kết quả giải ngân:

- Kết quả giải ngân từ đầu dự án đến tháng 10/2018: 74 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn ODA Hàn Quốc : 54 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng : 20 tỷ đồng.

- Số vốn cấp phát năm 2018 (theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên): 112 tỷ.

Trong đó:

+ Vốn ODA Hàn Quốc : 100 tỷ VNĐ.

+ Vốn đối ứng : 12 tỷ VNĐ.

- Kết quả giải ngân số vốn cấp phát năm 2018 (đến tháng 10): 54 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn ODA Hàn Quốc : 42 tỷ đồng (đạt 42% kế hoạch vốn).

+ Vốn đối ứng : 12 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch vốn).

II. Nội dung các hạng mục đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

a. Nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung:

1. Hồ hiếu khí và hồ tùy tiện:

- Theo hiện trạng địa chất tại đáy hồ Hiếu khí 2A, 2B là lớp cát xám và có nhiều mạch đùn sủi nhiều nước, rất khó khăn cho việc thi công lớp kết cấu đáy hồ.

- Thiết kế tính thiếu khối lượng thanh giằng, xà gồ của mái che hồ hiếu khí, phần móng cọc thiếu 04 móng, thiếu 29 hố ga điều tiết nước thải vào các hồ (phần xây dựng).

2. Hạng mục nhà hành chính:

Thiết kế cầu thang tầng 1 chưa thuận tiện đi lại, sẽ nô phần mái chưa phù hợp, kích thước cột C2 của tầng 1 và tầng 2 chưa phù hợp.

3. Hạng mục kho xưởng, tường rào:

- Kho xưởng: Theo bản vẽ thiết kế phần móng M1, M2 không có liên kết dầm mà phần dầm 30cmx20cm lại thiết kế tại cốt +0.00 là không đảm bảo yêu cầu chịu lực của nền móng. Thiết kế sử dụng xây thu hồi bằng gạch đá trên hệ dầm D1-2 kích thước 30cmx20cm, chiều dài dầm 7,2m là không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tính thẩm mỹ của công trình.

- Tường rào: Thiết kế tường rào cạnh BC xây gạch không nung và nằm sát mương thủy lợi sẽ không đảm bảo an toàn cho phần tường xây, khối lượng tường rào đoạn DE thiếu 45m chiều dài

4. Bể ổn định bùn kỵ khí:

- Thiếu khối lượng thép móng, tường, dầm và mái bể, thiếu mạch ngừng thi công thành bể.
- Thiếu khối lượng ống, van, phụ kiện gá lắp của các trạm bơm bùn.

5. Cùm bể tiền xử lý:

- Thiết kế tính thiếu khối lượng thép của bể lắng cát, bể lắng sơ bộ, mương đặt song chắn rác, thiếu mạch ngừng thi công thành bể.
- Thiết kế tính thiếu khối lượng ống, van, phụ kiện gá lắp, giá đỡ, bulon.

6. Tuyến cống bê tông cốt thép thu gom nước thải:

- Theo thiết kế được duyệt phần đắp hoàn trả nền đường tại vị trí lắp đặt cống bê tông cốt thép là đất tận dụng từ đất đào móng đường hiện trạng. Việc đắp đất vào đáy cống và mang cống rất khó khăn và dễ tạo lớp đất xốp ở đáy cống vì khoảng cách để cống hẹp không đầm lèn được tới, trong quá trình đào bóc lớp kết cấu đường hiện trạng sẽ dễ bị pha tạp các vật liệu với nhau.

- Một số tuyến cống nằm trên vỉa hè các tuyến đường Điện Biên 3, Chùa Chuông, Đông Thành, Bắc Thành vướng rất nhiều cây xanh, cột điện cao thế, cột tín hiệu giao thông, một số tuyến vỉa hè nhỏ hẹp từ 3-5m. Mặt khác chiều sâu hồ đào các tuyến trên từ 1,5m đến 3,1m, đa số các tuyến đào mở. Việc thi công lắp đặt cống trên vỉa hè các tuyến đường trên sẽ gây mất an toàn cho tài sản của nhân dân (tường rào, nhà cửa), công tác giải phóng mặt bằng rất khó khăn và mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

- Thiết kế tính thiếu khối lượng lắp đặt tấm thép, thanh chống trong công tác thi công cọc ván thép.

- Các tuyến đường; Bãi Sậy, Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Điện Biên, Trung Nhị, Tây Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du đã được đầu tư xây dựng từ nhiều năm nay, sau một thời gian dài sử dụng mặt đường át phan nhiều tuyến đã có hiện tượng lồi lõm, bong chóc. Theo hồ sơ thiết kế được duyệt các tuyến trên được đào cắt mặt đường để lắp đặt hệ thống cống bê tông cốt thép thu gom nước, sau đó được hoàn trả mặt đường bằng đúng kích thước cắt mà không hoàn trả toàn bộ mặt đường để dẫn đến mặt đường không đồng bộ; nửa mặt đường mới, nửa mặt đường cũ và sẽ ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Cần bổ sung khối lượng thảm bê tông lại toàn bộ mặt đường các tuyến trên.

7. Các trạm bơm nước thải PS1, 2, 3, 4:

- Qua kết quả thực tế tại hiện trường các trạm bơm PS1 và PS2, nền đất cốt đáy trạm bơm là rất yếu; chủ yếu là cát xám ngậm nước, mạch bùn sùi rất khó khăn cho việc thi công lớp bê tông lớp móng và nhà thầu đã dùng biện pháp là rải thêm lớp vải địa kỹ thuật gia cường móng mới đổ được lớp bê tông lót, đóng thêm hàng cừ Lasen loại 8m tại vị trí bị lún sụt.

b. Kiến nghị và đề xuất:

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mức như trên. UBND thành phố Hưng Yên đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Xây dựng Hưng Yên điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên nội dung sau:

- Cho phép điều chỉnh, bổ sung thiết kế và dự toán các hạng mục đã nêu trên đảm bảo chất lượng công trình và đạt hiệu quả cao khi đưa vào sử dụng.
- Cho phép lập thiết kế điều chỉnh dịch các tuyến cống trên vỉa hè xuống lòng đường (Cụ thể tuyến đường: Chùa Chuông, Điện Biên 3, Điện Biên 2, Đông Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du, Trung Nhị).
- Cho phép lập thiết kế bổ sung khối lượng thảm bê tông lại toàn bộ mặt đường các tuyến đường; Bãi Sậy, Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Điện Biên, Trung Nhị, Tây Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du
- Kinh phí bổ sung do điều chỉnh, bổ sung các hạng mục công trình khoảng 33 tỷ đồng.
- Đối với công tác chuyển đổi biện pháp thi công ống HDPE tự chảy. Kính đề nghị UBND tỉnh cho phép Chủ đầu tư được vận dụng đơn giá ở dự án khác để áp dụng cho dự án này. Vì Công nghệ khoan ngầm kéo ống chưa áp dụng nhiều, định mức dự toán chỉ có đối với đường kính ống nhỏ không có trong công trình và không phù hợp với các đường ống đang tiến hành thi công. Với nguyên tắc không làm phát sinh chi phí.

Vậy, UBND thành phố Hưng Yên đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Xây dựng Hưng Yên xem xét chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ban QLDA ODA;
- Phòng: QLĐT, TC&KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Cường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **479**BC-UBND

TP. Hưng Yên, ngày **22** tháng 11 năm 2018

Người ký: Ủy
ban Nhân dân
thành phố Hưng
Yên
Email:
ubndtphungyen
@hungyen.gov.v
n
Thời gian ký:
26.11.2018
16:07:35 +07:00

BÁO CÁO

Tiến độ thực hiện dự án Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên.

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng Hưng Yên;
- Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên;
- Sở Tài chính Hưng Yên.

UBND thành phố Hưng Yên xin báo cáo tiến độ thực hiện công trình Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên (VNM-41) như sau:

I. Tóm tắt dự án:

1. Văn bản pháp lý:

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND, ngày 28/9/2011 và được điều chỉnh tại Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011;

- Ngày 26/7/2013, Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc (gọi tắt Keximbank) đã ký kết Hiệp định vay vốn số VNM-41 cho hợp phần Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên (Hợp phần HY1) thuộc dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng. Tổng mức đầu tư là 26.408.000 USD ÷ 589,4 tỷ đồng (Trong đó: 23.117.000 USD vốn vay ưu đãi của Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc và 3.291.000 USD vốn đối ứng);

- Ngày 29/4/2016, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND về việc phê duyệt thiết kế BVTC + Dự toán hợp phần (HY1): Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên thuộc dự án phát triển toàn diện kinh tế xã hội tại các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên;

- Ngày 16/01/2017, Ban QLDA nguồn vốn ODA và Công ty TNHH xây dựng Hanbaek đã ký kết Hợp đồng số 02/HĐXL-BQLDA về việc thi công công trình Mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải Hưng Yên.

2. Quy mô dự án được duyệt:

(Handwritten signature)



- Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 6.300m³/ngày đêm gồm xây dựng các tuyến cống thu gom (khoảng 18,22km), trạm bơm tăng áp (4 trạm), khu xử lý (6,7 ha) và 815m đường vào trạm xử lý.

- Công nghệ xử lý: Hệ thống hồ sinh học.

- Khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải thuộc địa phận xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Các tuyến cống thu gom và trạm bơm nước thải được xây dựng trên địa phận các phường: Quang Trung, Lê Lợi, Minh Khai, Hồng Châu, Hiến Nam và An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Giá trị dự toán được duyệt:

3.1 Tổng dự toán được duyệt (theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên): 374.216.442.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây lắp, chạy thử và đào tạo, dự phòng:	312.083.032.842 đồng
+ Chi phí dịch vụ tư vấn:	30.450.618.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	2.962.381.000 đồng
+ Chi phí GPMB:	24.307.000.000 đồng
+ Chi phí khác:	4.413.410.158 đồng

3.2 Giá trị giá gói thầu được duyệt (theo Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên): 281.592.883.000 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị xây lắp:	258.218.651.000 đồng
+ Giá trị dự phòng:	23.374.232.000 đồng

3.3 Giá trị trúng thầu: 10.149.438,31 USD + 229.377.306.000 đồng.

Trong đó:

+ Giá trị xây lắp: 9.322.529,92USD=210.689.177.000 đồng
+ Giá trị dự phòng: 826.908,39USD=18.688.129.000 đồng

4. Nhà thầu trúng thầu xây lắp:

- Nhà thầu chính: Công ty TNHH xây dựng Hanbaek (Hàn Quốc).

- Các nhà thầu phụ: Công ty TNHH xây dựng Chiến Thắng, Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phương Đông và Công ty cổ phần Bơm Châu Âu.

5. Thu hồi đất và tái định cư:

Dự án phải thực hiện thu hồi đất với diện tích khoảng 8,2 ha (Trong đó: đất nông nghiệp 6,9 ha, đất GT-TL 1,3 ha). Số hộ bị ảnh hưởng là 91 hộ gia đình.

Đến nay, Ban QLDA đã tiến hành chi trả tiền đền bù, hỗ trợ cho các hộ gia đình, đạt 100%. Tổng kinh phí GPMB là 22.136.766.845 đồng.

II. Kết quả thực hiện dự án đến 20/11/2018:

Dự án được bàn giao mặt bằng triển khai thi công từ ngày 12/5/2017, dự kiến hoàn thành tháng 07/2019.

A. Các hạng mục công việc do Công ty Phương Đông thực hiện.

1. Tuyến thu gom nước thải và các trạm bơm:

1.1 Tuyến thu gom nước thải: Bao gồm 4 km cống bê tông cốt thép và 8,7 km ống HDPE.

*** Cống bê tông cốt thép gồm:**

- Tuyến GB (gồm các đường: Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Bãi Sậy), tổng chiều dài cống là 2,9 km. Khối lượng hoàn thành đạt 2,3/2,9 km (tương đương 79%).

- Tuyến GC (gồm các đường: Điện Biên 2, Trung Trắc, Trung Nhị, Nguyễn Trãi), tổng chiều dài cống là 1,1 km. Nhà thầu chưa triển khai thi công.

*** Ống HDPE gồm:**

- **Tuyến cống thu gom:** Xây dựng 3,4 km.

+ Tuyến GT.A (từ hồ Nam Hòa sang hồ An Vũ), với chiều dài tuyến là 1,3 km. Khối lượng hoàn thành đạt 801m (tương đương 61%).

+ Tuyến GT.D (đường Nguyễn Đình Nghi), với chiều dài 0,3km. Khối lượng hoàn thành đạt 94m (tương đương 31%).

+ Tuyến: GT.B, GT.C, GT.E, với chiều dài 1,8km. Hiện nay nhà thầu chưa thi công.

Trong quá trình thi công tuyến cống thu gom gặp một số khó khăn, vướng mắc:

Tuyến GTA (từ CSO 03 đến GTA07), GTD (từ CSO 01 đến CSO 02) đã gây sạt lở nhiều, ảnh hưởng đến hiện trạng công viên Nam Hòa và nền mặt đường Nguyễn Đình Nghi, nguyên nhân chủ yếu là nền đất của thành phố quá yếu, mực nước ngầm cao gây ra mạch dùn, mạch sùi. Độ sâu đáy hố đào từ 3,0m đến 7m, việc thi công biện pháp đóng cọc ván thép, cọc lasen như thiết kế bản vẽ thi công được duyệt sẽ khó khăn cho việc lắp đặt ống HDPE đúng với cao độ thiết kế.

Do vậy, nhà thầu đã đệ trình biện pháp thi công mới cho tuyến cống bao bằng Công nghệ khoan ngầm kéo ống, nhà thầu đã triển khai thi công bằng công nghệ mới và có kết quả rất khả quan; thời gian thi công nhanh, đảm bảo yêu cầu thiết kế, nhất là cao độ cho tuyến ống tự chảy và không làm ảnh hưởng đến môi trường và công trình như biện pháp đào mở. Nhưng khi thực hiện chuyển đổi biện pháp thì Chủ đầu tư đã gặp khó khăn; Công nghệ khoan ngầm kéo ống chưa áp dụng nhiều, định mức dự toán chỉ có đối với đường kính ống nhỏ không có trong công trình và không phù hợp với các đường ống đang tiến hành thi công, nên không áp dụng được.

- **Tuyến cống áp lực:** Xây dựng 5,3 km cống áp lực truyền tải nước thải từ các trạm bơm PS1, PS2, PS3 và PS4 về nhà máy xử lý.

+ Tuyến áp lực T1 (từ PS1 cuối đường Nguyễn Huệ đến đầu đường Triệu Quang Phục, phường Hiến Nam), với chiều dài 234m: Nhà thầu dự kiến thi công trong tháng 12/2018.

+ Tuyến áp lực T2 (từ PS2 ngã tư đường PNL đến đầu đường Triệu Quang Phục, phường Hiến Nam), với chiều dài 1km: Khối lượng hoàn thành đạt 0,7/1km (tương đương 68%).

+ Tuyến áp lực T3 chạy dọc bờ sông Điện Biên (từ PS3 đường Triệu Quang Phục, phường Hiến Nam đến PS4, phường An Tảo), với chiều dài 2km: Nhà thầu đã thi công đạt 1,6/2km (tương đương 80%).

+ Tuyến áp lực T4 chạy dọc bờ sông Điện Biên (từ PS4, phường An Tảo đến trạm xử lý nước thải), chiều dài khoảng 2km: Nhà thầu dự kiến thi công trong tháng 12/2018.

1.2 Các trạm bơm nước thải: Gồm bốn trạm; PS1 công suất 135 m³/h, PS2 công suất 71 m³/h, PS3 công suất 264 m³/h và PS4 công suất 264 m³/h.

Kết quả đạt như sau:

- Trạm bơm PS1 thi công hoàn thiện đạt 95%, đạt theo kế hoạch.
- Trạm bơm PS2 thi công hoàn thiện đạt 95%, đạt theo kế hoạch.
- Trạm bơm PS3,4: PS3 đạt 80% và PS4 đạt 60% khối lượng.

B. Các hạng mục công việc do Công ty Chiến Thắng thực hiện:

1. Công bê tông cốt thép gồm:

- Tuyến GA (gồm các đường: Đặng Giang, 266, Bạch Đằng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Du, Hàn Lâm, Điện Biên 3, Tây Thành), tổng chiều dài cống là 3,5 km. Khối lượng thực hiện đạt 0,9km (tương đương 26%).

- Tuyến GD (đường Bà Triệu), Tuyến GE (gồm các đường: Bắc Thành, Đông Thành, Kim Đồng), Tuyến GH (đường Chùa Chuông), Tuyến GJ (gồm đường: Tô Hiệu, Hồ Xuân Hương) và Tuyến GQ (nút giao Lê Lai-Nguyễn Công Hoan ra hồ Nam Hòa), với tổng chiều dài 2,2 km. Nhà thầu chưa thi công vì mặt bằng tuyến có vướng nhiều hệ thống cột điện sinh hoạt, chiếu sáng, cây xanh, biển báo và một số tuyến vỉa hè nhỏ hẹp, từ 3-5m. Mặt khác chiều sâu hố đào các tuyến trên từ 1,5m đến 3,1m, đa số các tuyến đào mở. Việc thi công lắp đặt cống trên vỉa hè các tuyến đường trên sẽ gây mất an toàn cho tài sản của nhân dân (tường rào, nhà cửa), công tác giải phóng mặt bằng rất khó khăn và mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

2. Trạm xử lý nước thải:

- Hạng mục Bể ổn định bùn kỵ khí (Dung tích 2.564 m³): Khối lượng thực hiện đạt 95%.

- Hạng mục Cụm bể xử lý: Khối lượng thực hiện đạt 60%.

- Hạng mục Nhà đặt máy ép bùn: Khối lượng thực hiện đạt 90%.

- Hạng mục Nhà hành chính (Diện tích sàn 245,75 m²) + Bể chứa nước (Dung tích 20 m³): Khối lượng thực hiện đạt 95%.

- Hạng mục Hồ hiếu khí gồm hai đơn nguyên (Diện tích 3.476 m²): Khối lượng thực hiện đạt 37%. (Công tác đào xong).

- Hạng mục Hồ tùy tiện gồm 3 đơn nguyên (Diện tích 19.324 m²): Khối lượng thực hiện đạt 30%. (Đào xong hồ số 3b, số 4, hồ số 3a đã đào được 50%)

- Hạng mục Xường sửa chữa (Diện tích 140,8 m²): Khối lượng thực hiện 95%.
- Hạng mục San nền, kê đá, cống, tường rào: Khối lượng thực hiện đạt 80%.
- Hạng mục Đường nội bộ (Tổng chiều dài 833,6 m): Khối lượng thực hiện đạt 25%.
- Hạng mục Đường vào trạm xử lý (Tổng chiều dài 815m): Khối lượng thực hiện đạt 20%.
- Hạng mục Trạm tiếp nhận bùn bể phốt: Khối lượng thực hiện đạt 90%.
- Hạng mục Nhà để xe ô tô: Khối lượng thực hiện đạt 60%.
- Hạng mục Trạm cấp khí: Khối lượng thực hiện đạt 10%;
- Hạng mục nhà để máy phát điện: Khối lượng thực hiện đạt 26%.

C. Các công việc do Công ty Hanbaek thực hiện:

Nhà thầu thực hiện mua sắm ống HDPE và các phụ kiện từ Hàn Quốc về Việt Nam, đến nay nhà thầu đã chuyển về công trường đạt 6/8,7km ống HDPE các loại, còn lại 2,7km ống nhà thầu đã chuyển về công trình ngày 18/11/2018.

D. Các công việc do Pecom thực hiện (thi công cơ điện và thiết bị):

- Cấp nguồn điện cho các trạm bơm (PS1,2, 3, 4): Hiện nay, nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ để xin đấu nối nguồn điện.
- Phần khối lượng nhập khẩu các thiết bị: Số lượng nhập khẩu là 48 thiết bị, máy móc. Hiện nay, nhà thầu đã đặt hàng được 38/48 thiết bị, trong tháng 12/2018 có khoảng 10 thiết bị về đến công trình, số thiết bị còn lại sẽ về công trình vào đầu năm 2019.
- Phần đường ống trong trạm xử lý: Hiện nay, nhà thầu đang thi công lắp đặt hệ thống ống thoát khí đáy hồ Hiếu khí và ống kỹ thuật, khối lượng thực hiện đạt 30%.

E. Giá trị hoàn thành đến thời điểm báo cáo:

- Giá trị hoàn thành của Phương Đông: Theo tiến độ dự án nhà thầu phải hoàn thành 50,3 tỷ đồng, nhưng thực tế mới chỉ đạt 23 tỷ đồng. Chậm 54% tiến độ.
 - Giá trị hoàn thành của Chiến Thắng: Theo tiến độ dự án nhà thầu phải hoàn thành 62 tỷ đồng, nhưng thực tế mới chỉ đạt 23,5 tỷ đồng. Chậm 62% tiến độ.
 - Giá trị hoàn thành của Hanbaek: Đạt 21 tỷ đồng, đảm bảo tiến độ dự án.
 - Giá trị hoàn thành của Pecom: Đạt 1 tỷ đồng, đảm bảo tiến độ dự án.
- Tổng giá trị khối lượng hoàn thành đạt 68,5 tỷ/210 tỷ = 32% giá trị Hợp đồng.
Chậm 56% tiến độ dự án.

III. Kết quả giải ngân đến tháng 10 và kế hoạch đến hết năm 2018:

1. Kết quả giải ngân:

- Kết quả giải ngân từ đầu dự án đến tháng 10/2018: 74 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn ODA Hàn Quốc : 54 tỷ đồng

- + Vốn đối ứng : 20 tỷ đồng.
- Số vốn cấp phát năm 2018 (theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên): 112 tỷ.

Trong đó:

- + Vốn ODA Hàn Quốc : 100 tỷ VNĐ.
- + Vốn đối ứng : 12 tỷ VNĐ.
- Kết quả giải ngân số vốn cấp phát năm 2018 (đến tháng 10): 54 tỷ đồng.

Trong đó:

- + Vốn ODA Hàn Quốc : 42 tỷ đồng (đạt 42% kế hoạch vốn).
- + Vốn đối ứng : 12 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch vốn).

2. Kế hoạch giải ngân từ nay đến hết năm 2018: Giá trị dự kiến giải ngân khoảng 58 tỷ đồng của kế hoạch vốn năm 2018.

Trong đó:

- + Giá trị dự kiến của Phương Đông: 25,5 tỷ đồng;
- + Giá trị dự kiến của Chiến Thắng: 20 tỷ đồng;
- + Giá trị dự kiến của Hanbaek: 5 tỷ đồng;
- + Giá trị dự kiến của Pecom: 4 tỷ đồng;
- + Giá trị dự kiến của Saman: 3,5 tỷ đồng.

IV. Kiến nghị đối với các nhà thầu:

1. Nhà thầu Hanbaek:

Hanbaek đẩy nhanh tiến độ thi công công trình đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và tiến độ giải ngân theo kế hoạch năm 2018, tăng cường, tập trung nhân lực và máy móc cho công tác hoàn thiện đối với các tuyến đã thi công lắp đặt cống và các hạng mục trong trạm xử lý cụ thể các hạng mục do các nhà thầu phụ thực hiện như:

1.1. Nhà thầu phụ Phương Đông.

- Các tuyến đường; Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Bãi Sậy thi công lắp đặt hoàn thiện các hố ga, đầu nối cống cũ, hố thu nước mưa và hoàn thiện nền, mặt đường đến lớp bê tông Át Phan. Còn lại các tuyến cống thuộc GC chỉ được tiến hành thi công khi đã thi công hoàn thiện toàn bộ tuyến GB.

- Triển khai thi công hoàn thiện các tuyến T2, T3, xong trước ngày 30/11/2018, còn các tuyến T1, T4 triển khai thi công ngay trong tháng 11/2018.

- Thi công hoàn thiện các trạm bơm PS1, 2, 3, 4 xong trước ngày 30/11/2018.

1.2. Nhà thầu phụ Chiến Thắng:

- Các tuyến đường; Bạch Đằng, Phạm Ngũ đẩy nhanh tiến độ thi công lắp đặt cống hộp 2mx2m, cống tròn 1800, thi công hoàn thiện hố ga và đầu nối, huy động máy móc và nhân công thực hiện công tác hoàn trả nền, mặt đường đảm bảo chất lượng, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

- Tuyến đường Bạch Đằng khẩn trương thi công hoàn thiện hố ga, đầu nối và thi công hoàn trả nền, mặt đường.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thiện các hạng mục ở trong trạm xử lý; Cụ xử lý, nhà tiền xử lý, đường nội bộ, đường vào... Trong đó nhà thầu tập trung huy động máy móc và nhân công thi công các hồ Tùy tiện, Hiếu khí.

1.3. Nhà thầu phụ Pecom:

- Đẩy nhanh tiến độ nhập khẩu thiết bị, máy móc về công trình để lắp đặt đảm bảo tiến độ dự án.

- Khẩn trương thi công hoàn thiện hệ thống ống dẫn nước thải vào các hồ, hệ thống ống thoát khí, tập trung thi công các hạng mục cấp nguồn điện cho các trạm bơm và trạm xử lý.

V. Kiến nghị và đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc:

- Đề nghị UBND tỉnh cho phép lập thiết kế điều chỉnh dịch các tuyến cống trên vỉa hè xuống lòng đường (Cụ thể tuyến đường: Chùa Chuông, Điện Biên 3, Điện Biên 2, Đông Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du, Trung Nhị). Để đảm bảo an toàn tài sản nhà cửa cho nhân dân, hạn chế công tác GPMB, thuận tiện cho công tác thi công dự án. Giá trị bổ sung khoảng 3 tỷ đồng.

- Cho phép lập thiết kế bổ sung khối lượng thảm bê tông lại toàn bộ mặt đường các tuyến đường; Bãi Sậy, Trung Trắc, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Điện Biên, Trung Nhị, Tây Thành, Bắc Thành, Nguyễn Du. Để đảm bảo mỹ quan đô thị thành phố; mặt đường được đồng bộ, giao thông thuận lợi. Giá trị bổ sung khoảng 6 tỷ đồng.

- Đối với công tác chuyển đổi biện pháp thi công ống HDPE tự chày. Kính đề nghị UBND tỉnh cho phép Chủ đầu tư được vận dụng đơn giá ở dự án khác để áp dụng cho dự án này. Vì Công nghệ khoan ngầm kéo ống chưa áp dụng nhiều, định mức dự toán chỉ có đối với đường kính ống nhỏ không có trong công trình và không phù hợp với các đường ống đang tiến hành thi công. Với nguyên tắc không làm phát sinh chi phí.

- Đề nghị UBND tỉnh cho phép điều chỉnh, bổ sung thiết kế và dự toán công trình các hạng mục; Hồ hiếu khí, hồ tùy tiện, nhà hành chính, Cụm bể tiền xử lý, tuyến cống bê tông cốt thép, Các trạm bơm nước thải, điện động lực và điều khiển trong nhà máy xử lý nước thải. Giá trị điều chỉnh khoảng 24 tỷ đồng, hiện nay hồ sơ điều chỉnh thiết kế các nhà thầu và tư vấn đã lập xong.

Vậy, UBND thành phố Hưng Yên xin trân trọng báo cáo *m*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Phòng QLĐT;
- Phòng TC-KH;
- Ban QLDA ODA;
- Lưu. *qj*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Cường

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 11 /TTr - SXD.

Hung Yên, ngày 28 tháng 01 năm 2019.

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu

Kính gửi: UBND tỉnh Hưng Yên

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Sở Xây dựng được quy định tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu Đô Thời – Dân tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 2142/UBND-KT1 ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về kế hoạch và dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên,

Trên cơ sở hồ sơ quy hoạch do đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam lập và hoàn thiện tháng 12 năm 2018; Đối chiếu với Quy chuẩn về QHXD và các quy định hiện hành, Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch với những nội dung chính như sau:

1. **Tên dự án:** Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu.

2. **Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Sở Xây dựng Hưng Yên.

3. **Mục tiêu dự án:**

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên, quy hoạch chung xây dựng Khu Đô Thời – Dân Tiến.

- Phát triển khu vực theo hướng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, đô thị và nông thôn, có hệ thống hạ tầng đồng bộ hiện đại, có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan và có môi trường phát triển bền vững.

- Làm cơ sở và công cụ cho các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án, kế hoạch đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển đô thị, quản lý xây dựng trên địa bàn khu vực nghiên cứu.

4. Vị trí, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch:

Vị trí nghiên cứu quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 có vị trí nằm hai bên trục đường huyện ĐH.57, thuộc địa bàn quản lý của huyện Khoái Châu. Vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Giáp đường tỉnh ĐT.383.
- Phía Nam giáp: Đường quy hoạch đô thị.
- Phía Đông giáp: Đường tỉnh ĐT.379 và Quốc lộ 39.
- Phía Tây giáp: Sông Từ Hồ Sài Thị.

5. Quy mô dân số và diện tích:

- Dân số hiện trạng năm 2018 khoảng 2.410 người; Dự báo dân số quy hoạch của toàn khu vực khoảng 40.000 người.

- Quy mô diện tích: khu vực nghiên cứu quy hoạch có diện tích khoảng 417,58ha, thuộc các xã Dân Tiến, Tân Dân, An Vĩ và thị trấn Khoái Châu. Cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

TT	Loại đất	Quy hoạch (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất cơ quan	3,43	0,82
2	Đất thương mại, dịch vụ, hỗn hợp	51,18	12,26
3	Đất công trình công cộng	7,63	1,83
4	Đất đào tạo, dạy nghề	5,15	1,23
5	Đất trường THPT	2,45	0,59
6	Đất trường THCS, TH, MN	12,26	2,94
7	Đất công viên, vườn hoa	32,67	7,82
8	Đất nhóm nhà ở mới	104,24	24,96
9	Đất khu dân cư hiện hữu cải tạo	18,97	4,54
10	Đất khu dân cư theo dự án đã thực hiện	15,96	3,82
11	Đất công nghiệp	58,07	13,91
12	Đất nghĩa trang	3,09	0,74
13	Mặt nước	13,20	3,16
14	Đất giao thông	86,95	20,82
15	Đất tôn giáo	0,18	0,04
16	Đất công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật	0,99	0,24
17	Đất dự trữ phát triển	1,16	0,28
	Tổng cộng	417,58	100,00

6. Quy hoạch phát triển không gian và phân khu chức năng

Quy hoạch phân khu xây dựng chia khu vực lập quy hoạch thành 05 khu, trong đó các phân khu 1,2,3,4 được coi là các đơn vị ở có quy mô dân số trong khoảng từ 9.000 - 12.000 người, cụ thể như sau:

- Phân khu số 1 - Khu vực phía Bắc: tiếp giáp đường ĐT.383 thuộc địa bàn xã Tân Dân & xã An Vĩnh, có diện tích khoảng 104,10ha. Được định hướng quy hoạch đơn vị ở mới, trong đó có các khu dân cư phát triển mới, cùng các công trình hạ tầng xã hội cấp khu đô thị (Trung tâm văn hóa - TDTT, công viên hồ điều hòa), cấp đơn vị ở (trường học, mẫu giáo, dịch vụ tiện ích khác). Phát triển kiến trúc nhà ở thấp tầng theo các ô phố với lõi trung tâm là vườn hoa không gian mở, xây dựng mật độ trung bình & thấp.

- Phân khu số 2 - Khu vực phía Tây: tiếp giáp ĐT.383, nằm ở về hai phía ĐH.57, thuộc địa bàn xã An Vĩnh & thị trấn Khoái Châu, có diện tích khoảng 78,83ha. Bên cạnh cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, quy hoạch khu dân cư phát triển mới, cùng các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị (cơ quan quản lý cấp huyện), cấp khu đô thị (chợ, khu TDTT), cấp đơn vị ở (trường học, khu TDTT, trạm y tế, ...).

- Phân khu số 3 - Khu vực trung tâm: nằm ở về hai phía ĐH.57, thuộc địa bàn xã An Vĩnh, Tân Dân, Dân Tiến & thị trấn Khoái Châu, với diện tích khoảng 66,82ha. Quy hoạch đất đơn vị ở mới trong đó có các khu dân cư phát triển mới, cùng các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị (trung tâm thương mại, dịch vụ, phòng khám đa khoa, tiện ích đô thị), cấp đơn vị ở (vườn hoa, trường học). Phát triển kiến trúc nhà ở thấp tầng theo các ô phố với lõi trung tâm là vườn hoa không gian mở, xây dựng mật độ trung bình.

- Phân khu số 4 - Khu vực phía Nam: nằm ở về hai phía ĐH.57, thuộc địa bàn xã Dân Tiến & Tân Dân, có diện tích khoảng 67,75ha. Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, quy hoạch các khu dân cư phát triển mới, cùng các công trình hạ tầng xã hội cấp khu đô thị (chợ, dịch vụ, tiện ích khác), cấp đơn vị ở (vườn hoa, trường học, trạm y tế ...).

- Phân khu số 5 - Khu vực phía Đông: tiếp giáp QL.39, ĐT.383 & ĐT.379, thuộc địa bàn xã Dân Tiến & Tân Dân, có diện tích khoảng 100,08ha. Là khu vực phát triển các khu phức hợp đô thị - đào tạo cấp tỉnh, cấp đô thị và một số cơ sở công nghiệp hiện hữu. Đối với các công trình giáo dục - đào tạo: Phát triển kiến trúc hiện đại, ưu tiên xây dựng cao tầng tạo điểm nhấn cho khu vực, tổ chức hệ thống vườn hoa, không gian mở, bãi đỗ xe, quảng trường sinh viên, các khu ký túc xá, thư viện, giảng đường theo khuôn viên của mỗi trường, xây dựng mật độ trung bình. Đối với công trình công nghiệp: Công nghiệp sạch, thân thiện môi trường. Khuyến khích các giải pháp kiến trúc sinh thái, tiết kiệm năng lượng và các công nghệ kỹ thuật thông minh, hiện đại.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Giao thông đối ngoại qua khu vực lập quy hoạch gồm: Quốc lộ 39, đường tỉnh ĐT.383, đường tỉnh ĐT.379 và đường huyện ĐH.57

+ Đường tỉnh ĐT.383: Là trục giao thông đối ngoại phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch, mặt cắt ngang tuân thủ quy hoạch giao thông đô thị được duyệt, mặt cắt ngang rộng 32,0m (ký hiệu tại bản vẽ là mặt cắt 4-4).

+ Đường tỉnh ĐT.379: Là trục giao thông đối ngoại phía Đông khu vực lập quy hoạch, mặt cắt ngang tuân thủ quy hoạch giao thông đô thị được phê duyệt, mặt cắt ngang rộng 40,0m (ký hiệu tại bản vẽ là mặt cắt 3-3).

+ Đường huyện ĐH.57 có mặt cắt ngang rộng 52,0m, bao gồm: lòng đường rộng 10,5mx2; dải phân cách giữa rộng 2,0m; dải phân cách mỗi bên (với đường gom) rộng 2,0mx2; lòng đường gom mỗi bên rộng 7,5mx2; vỉa hè mỗi bên rộng 5,0mx2 (ký hiệu tại bản vẽ là mặt cắt 2-2).

b) Giao thông đối nội:

Cấu trúc mạng lưới có dạng ô cờ kết. Tổ chức mạng lưới đường bao gồm đường trục chính và đường khu vực.

Đường trục chính theo hướng Bắc – Nam dọc theo Kênh Đông có tổng mặt cắt ngang từ 75-100m, bao gồm: bề rộng kênh và hành lang kênh rộng từ 25-50m; 2 tuyến đường 2 bên kênh có lòng đường rộng 12,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0mx2 (ký hiệu tại bản vẽ là mặt cắt 1-1).

Đường trục chính khác: gồm các tuyến liên hệ trực tiếp với các trục đối ngoại, có mặt cắt ngang rộng 30,0m, bao gồm: lòng đường rộng 15,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 7,5mx2 (ký hiệu tại bản vẽ là mặt cắt 5-5).

Đường khu vực có mặt cắt ngang rộng từ 13,0m-18,5m, lòng đường rộng tối thiểu 7,0m.

Mạng lưới quy hoạch giao thông và mặt cắt các tuyến đường được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH-07A).

7.2. San nền tiêu thụ:

Cao độ san nền khu vực không chế Hxd $\geq 3,5$ m. Hướng dốc từ trong các ô đất hướng ra các tuyến đường xung quanh để thoát nước mưa.

Thoát nước mưa: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng, độc lập với hệ thống thoát nước thải. Chia thành 02 lưu vực:

- Lưu vực 1: Toàn bộ khu vực phía Tây kênh Đông. Nước mưa theo đường cống thoát ra các kênh, mương rồi chảy ra sông Từ Hồ Sài Thị ở phía Tây khu vực lập quy hoạch.

- Lưu vực 2: Toàn bộ khu vực phía Đông kênh Đông. Nước mưa theo đường cống thoát ra các kênh, mương rồi chảy về sông Tây Tân Hưng ở phía Nam khu vực lập quy hoạch.

Chiều dài, độ dốc và hướng thoát nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa (QH-07B)

7.3. Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt:

- Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 8.000÷ 9.500 m³/ngàyđêm.

- Nguồn nước cấp cho khu vực: Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Khoái Châu từ công suất 1.000 m³/ngày lên 3.000 m³/ngày (khai thác nguồn nước ngầm tại khu vực), nhà máy nước Tân Tiến từ công suất 1.500 m³/ngày lên 3.000 m³/ngày (khai thác nguồn nước ngầm tại khu vực), nhà máy nước Dạ Trạch từ công suất 5.000 m³/ngày lên 50.000 m³/ngày (khai thác nguồn nước mặt Sông Hồng).

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp (chung mạng lưới đường ống với hệ thống cấp nước sạch). Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước có đường kính $D \geq 100\text{mm}$ đặt tại các ngã ba, ngã tư với khoảng cách theo quy định.

Mạng lưới cấp nước thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cấp nước sinh hoạt (QH-07C).

7.4. Cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện khoảng 28.400KVA.

- Nguồn điện: Lấy từ hệ thống điện Quốc gia thông qua trạm nguồn 110/35/22kV Khoái Châu có công suất 2x40MVA.

- Trạm lưới 22/0,4kV: Xây dựng mới các trạm hạ thế 22/0,4kV, kết cấu trạm sử dụng trạm treo, trạm kios và một cột, vị trí đặt ở khu vực cây xanh, khu vực công cộng. Bán kính cấp điện không quá 300m.

- Lưới chiếu sáng: Các tuyến giao thông đều được bố trí chiếu sáng 2 bên đường và chiếu sáng bằng đèn chùm trang trí trong các khu cây xanh. Cấp điện chiếu sáng đi ngầm.

Mạng lưới cấp điện thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng (QH-07D).

7.5. Thoát nước thải – vệ sinh môi trường:

* Thoát nước thải

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng hoàn toàn cho toàn bộ khu vực:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt ở phía Tây Nam của khu vực lập quy hoạch với công suất 8.000 m³/ngày để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của khu



vực nghiên cứu, cụ thể: Khu vực phía Tây kênh Đông, nước thải được thu gom trực tiếp về trạm xử lý; khu vực phía Đông kênh Đông, nước thải được thu gom xuống phía Nam theo hướng dốc địa hình, sau đó dùng bơm áp lực công suất khoảng 5.000 m³/ngày để bơm toàn bộ lượng nước thải của lưu vực này xả vào hệ cống thoát nước chính của lưu vực 1, sau đó tự chảy về trạm xử lý.

- Nước thải công nghiệp sẽ có dự án thoát nước thải riêng, công suất khoảng 1.500 m³/ngày.

* Vệ sinh môi trường

- Nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn khoảng 70 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn sau đó được thu gom đưa đi xử lý.

- Bố trí một số điểm tập kết chất thải rắn tại các khu vực cây xanh, khu vực công cộng, sau đó được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện, tỉnh.

- Các nghĩa trang hiện có không mở rộng thêm. Khu vực lập quy hoạch sẽ sử dụng nghĩa trang tập trung của huyện Khoái Châu.

Mạng lưới thoát nước thải thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch nước thải và vệ sinh môi trường (QH-07F).

Trên đây là ý kiến thẩm định nội dung Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu; Hồ sơ quy hoạch kèm theo Tờ trình của Sở Xây dựng gồm có: các bản vẽ khổ A⁰, thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ quy hoạch thu nhỏ đóng kèm, các phụ bản tính toán và đĩa CD ghi nội dung dự án.

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt././h

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- UBND huyện Khoái Châu;
- Phòng QH-KT^D;
- Lưu VT.

